

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

HÀ THỊ MINH KHUƠNG

VAI TRÒ CỦA NGƯỜI GIÀ TRONG GIA

ĐÌNH VÀ CỘNG ĐỒNG HIỆN NAY

(Nghiên cứu trường hợp xã Hạ Bằng,
huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội)

Chuyên ngành: Dân tộc học

Mã số: 60 22 70

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LỊCH SỬ

Hà Nội-2011

MỞ ĐẦU

1. LÝ DO LỰA CHỌN ĐỀ TÀI

Trọng lão là một truyền thống ở Việt Nam cũng như nhiều quốc gia châu Á khác. Người già là lớp người có quá trình cống hiến lâu dài cho gia đình, xã hội và đất nước và được coi là thế hệ duy trì tính liên tục phát triển của nhân loại [47, 45, 56, 72, 88]. Ngày nay, sự già hoá dân số đang tăng nhanh ở nhiều nước trên thế giới cũng như ở Việt Nam. Già hóa dân số cũng đồng nghĩa với tỷ lệ phụ thuộc người già cũng sẽ tăng lên. Trong các chính sách xã hội, người già thường được coi là nhóm dân số đặc biệt, nhóm yếu thế cần được ưu tiên về an ninh lương thực và sự chăm sóc về mọi mặt từ phía gia đình, và cộng đồng xã hội.

Trong xã hội hiện đại người già bị coi là nhóm xã hội phụ thuộc và thụ động về mặt kinh tế, thậm chí còn bị coi là ít quan trọng hoặc gây bất lợi cho sự phát triển. Trong khi tâm điểm chú ý của các nhà lập kế hoạch, người làm công tác phát triển là vấn đề tăng trưởng kinh tế và nhóm người trẻ tuổi [8]. Trong khi nhiều người già phải sống một mình và tự chăm sóc cho bản thân, thậm chí trong nhiều trường hợp người già đang phải đóng vai trò như một người chăm sóc gia đình, trong khi lẽ ra chính bản thân họ là đối tượng cần phải chăm sóc. Phần lớn người già ở Việt Nam hiện đang sống tại khu vực nông thôn. Người già vẫn làm công việc nhà và hỗ trợ cho con cháu ít nhất một trong các hoạt động về kinh tế như tạo ra thu nhập và cấp vốn cho, quyết định các việc quan trọng của gia đình hay chia sẻ kinh nghiệm làm ăn, và dạy dỗ và chăm sóc cháu nhỏ. Chính vì vậy không thể phủ nhận là nhiều người già chính là một nguồn lực nhất là ở vùng nông thôn [44, 62, 64, 67, 100]. Như vậy, xét từ góc độ này người già chưa hẳn là gánh nặng đối với gia đình và xã hội.

Cùng với sự phát triển xã hội vai trò của người già đã được khẳng định qua Pháp lệnh Người cao tuổi năm 2000 và gần đây nhất là Luật Người cao tuổi (2009). Đây là cơ sở pháp lý quan trọng không chỉ khẳng định công sinh thành, nuôi dưỡng, giáo dục nhân cách cho con cháu và vai trò truyền tải di sản văn hóa tộc người của người già, khẳng định vai trò quan trọng của họ trong gia đình, ngoài xã hội, mà còn quy định việc chăm sóc vật chất, tinh thần và trách nhiệm của gia đình, Nhà nước và toàn xã hội trong việc phát huy vai trò của người già. Trên bối cảnh đó người già vẫn là chủ đề nghiên cứu thu hút sự quan tâm của nhiều học giả trong nước và quốc tế. Việc nghiên cứu về vai trò của người già trong gia đình và cộng đồng là điều cần thiết, nó không chỉ góp thêm một cách nhìn khách quan về vai trò của người già trong gia đình và cộng đồng làng xã, mà còn làm rõ được các hoạt động của người già và các tổ chức của họ trong đời sống kinh tế - văn hoá - xã hội ở vùng nông thôn, đồng thời góp phần phát huy vai trò tiềm năng của người già trong bối cảnh xã hội nông thôn hiện nay.

2. MỤC ĐÍCH NGHIÊN CỨU

Luận văn này làm sáng tỏ những mục đích nghiên cứu sau đây:

1. Làm rõ các hoạt động của người già trong gia đình và trong các tổ chức quan phương và phi quan phương.
2. Xác định vai trò trong đời sống kinh tế, văn hóa của người già trong gia đình và cộng đồng.
3. So sánh quan niệm của người dân về tuổi già và vai trò của người già hiện nay so với trước đây
4. Chỉ ra những mặt tích cực và mặt còn hạn chế trong việc thực hiện chính sách phát huy vai trò của người già ở nông thôn

3. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI NGHIÊN CỨU

3.1. Đối tượng và khách thể nghiên cứu: Vai trò của người già trong gia đình và cộng đồng ở vùng nông thôn. Khách thể nghiên cứu là những người già từ 60 tuổi trở lên.

3.2. Phạm vi nghiên cứu: Dữ liệu của đề tài cấp Bộ “Một số vấn đề cơ bản trong chính sách xã hội đối với người cao tuổi” do Viện Gia đình và Giới thuộc Viện Khoa học Xã hội Việt Nam được tiến hành tại xã Hạ Bằng, Huyện Thạch Thất, Hà Tây cũ (nay là Hà Nội), thực hiện tháng 12/2008. Nghiên cứu thực địa lần 2 vào tháng 7-8/2010.

4. CÂU HỎI NGHIÊN CỨU VÀ GIẢ THUYẾT KHOA HỌC

4.1. Câu hỏi nghiên cứu

- 1) Hoạt động của người già trong đời sống và văn hóa đang diễn ra trong gia đình như thế nào?
- 2) Trong cộng đồng làng xã hiện nay, người già tham gia vào các hoạt động của các tổ chức quan phương và phi quan phương như thế nào?
- 3) Người già ở nông thôn có vai trò như thế nào trong đời sống kinh tế và văn hóa trong gia đình và cộng đồng? Có những biểu hiện khác biệt nào trong vai trò của người cao tuổi nam và nữ hay không?
- 4) Quan niệm tuổi già và mong đợi về vai trò của người già của người Việt ở Hạ Bằng hiện nay ra sao?
- 5) Vấn đề phát huy vai trò của người già đã được đề cập trong các chính sách về NCT như thế nào? Và đã được triển khai thực hiện ở mức độ nào ở vùng nông thôn như Hạ Bằng?

4.2. Giả thuyết nghiên cứu

- 1) Ở vùng nông thôn hiện nay người già không chỉ đảm nhiệm các công việc gia đình mà họ còn tham gia các hoạt động sản xuất kinh doanh tạo thu nhập và các hoạt động ở ngoài cộng đồng.
- 2) Người già dù đang sống riêng hay sống chung với con cháu vẫn đóng vai trò là chủ gia đình, và người ra quyết định. Họ vẫn được mong đợi là lớp người mẫu mực trong gia đình và cộng đồng.
- 3) Trong đời sống văn hóa, người già vẫn là người đóng vai trò duy trì và truyền tải các giá trị văn hoá gia đình và của tộc người cho thế hệ trẻ.
- 4) Có sự khác biệt trong vai trò giới của người cao tuổi nữ và người cao tuổi nam trong gia đình ở vùng nông thôn. Người cao tuổi là nữ ít có vai trò và tiếng nói trong gia đình và ngoài cộng đồng.
- 5) Người già ở vùng nông thôn là nhân tố tham gia tích cực vào các hoạt động của các tổ chức quan phương và phi quan phương.
- 6) Việc triển khai thực hiện các chính sách phát huy vai trò của người già sẽ có nhiều khó khăn và hạn chế hơn vùng nông thôn.

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN NGHIÊN CỨU VỀ NGƯỜI GIÀ

1.1. QUAN ĐIỂM VÀ CHÍNH SÁCH VỀ NGƯỜI GIÀ TRÊN THẾ GIỚI VÀ VIỆT NAM

1.1.1. Quan điểm và chính sách về người già trên thế giới

Trong bối cảnh người già trở thành vấn đề kinh tế - xã hội cấp thiết mang tính toàn cầu, Liên hiệp quốc kêu gọi các quốc gia hướng trọng tâm vào việc phát huy vai trò của người già trong chính sách và chương trình hành động quốc tế và quốc gia về người già, mà mục tiêu cuối cùng là nhằm phát huy tiềm năng to lớn của người cao tuổi và đảm bảo quyền tiếp tục tham gia vào các hoạt động xã hội với tư cách là những công dân. Với cách tiếp cận theo hướng này, các quốc gia cần nhận thức được khả năng đóng góp của người cao tuổi, coi họ như là một nguồn lực quan trọng cho sự phát triển đất nước. Chính sách phát huy vai trò của người già cần quan tâm đến việc tạo điều kiện để người già làm tốt những công việc thường ngày tại gia đình và cộng đồng, đáp ứng nhu cầu mưu sinh chính đáng, đưa họ vào các chương trình và chiến lược giảm nghèo.

1.1.2 Quan điểm và chính sách về người già ở Việt Nam

Lịch sử Việt Nam đã ghi nhận rất nhiều sự kiện về vai trò và đóng góp của người già trong công cuộc dựng nước, giữ nước. Trải qua các triều đại, Nhà nước phong kiến Việt Nam đã có những chính sách ưu đãi về kinh tế, xã hội cho người già. Trong làng xã cũng có những quy định trong lệ làng, hương ước thể hiện sự ưu đãi và kính trọng người già.

Chính sách xã hội về người già là một bộ phận quan trọng trong hệ thống chính sách của nhà nước Việt Nam. Trước năm 2000, các chính sách cho người già chủ yếu ở khía cạnh ưu đãi và chưa tạo thành các văn bản

luật pháp cụ thể và có hệ thống. Từ 2000 đến nay các chính sách này đã được thể chế hóa và cụ thể hóa bằng luật và các văn bản luật. Năm 2004, Quốc hội đã ban hành *Pháp lệnh Người cao tuổi* và năm 2009 thông qua *Luật Người cao tuổi* nhằm đảm bảo việc phụng dưỡng và chăm sóc người già, cũng như phát huy vai trò, trí tuệ, kinh nghiệm sống, lao động, chiến đấu của người già vào quá trình phát triển của đất nước.

1.2.1. Người già trong các nghiên cứu nước ngoài

Ở nhiều quốc gia trên thế giới, vai trò của người già trong gia đình, cộng đồng được duy trì và phát huy bằng nhiều cách khác nhau. Ở một số nền văn hóa, người lớn tuổi thường là người nắm giữ vai trò quan trọng trong lĩnh vực hành chính và chính trị. Nghiên cứu về người già trong xã hội cổ xưa, cần phải kể đến tác phẩm “Tuổi già” của Simon De Beauvoir (1998). Trong tác phẩm này có một chương về các quan sát dân tộc học về tập tục về người già ở nhiều bộ lạc, tộc người trên thế giới. Mỗi bộ tộc có những tập quán và quan niệm về cách đối xử với người già khác nhau, nhưng nhìn chung vai trò của người già cũng có nhiều điểm khá tương đồng vai trò của người già ở xã hội nguyên thủy. Người già được kính trọng nhờ có kinh nghiệm về loài vật và cỏ cây có công phát triển được lý, nắm giữ các bí quyết nghi thức, lễ hội, thuốc chữa bệnh, nội tình bộ tộc, các cuộc thương lượng, hòa giải tranh chấp, giữ gìn cơ cấu xã hội.

Ở xã hội phương Tây thời kỳ đầu công nguyên, quyền sở hữu được thể chế, người già có tiếng nói trọng lượng hơn trong đời sống công cộng và đời sống riêng. Lịch sử La Mã chứng minh là có một mối quan hệ chặt chẽ giữa cuộc sống của người già và sự ổn định của xã hội. Song vào thời kỳ Trung đại đến thế kỷ XIX, ở xã hội phương Tây, gồm cả nông thôn cũng như thành thị, người già phải dựa vào gia đình hoặc trông chờ vào hoạt động từ thiện cộng đồng. Thậm chí ở một số thời kỳ, khi chủ nghĩa tư bản ra đời ở nước Anh và trong cuộc cách mạng công nghiệp thế kỷ XIX, số phận của những người già đặc biệt cay cực [79, tr. 336, 337].

Công nghiệp hóa đi kèm theo với sự đánh mất quyền hạn và uy tín xã hội ở người lớn tuổi. Nếu người lớn tuổi có địa vị xã hội khá cao trong xã hội nông nghiệp, thì trong xã hội công nghiệp, họ có địa vị xã hội thấp hơn nhiều. Vấn đề thường thấy ở tuổi già trong thời kỳ này đó là sự cô lập khỏi xã hội do đã nghỉ hưu, sức khỏe yếu, bệnh tật...[38, tr. 428-429, 447]. Trong phần lớn nhiều văn bản, tài liệu và nghiên cứu quốc tế về tuổi già hiện nay đều khẳng định rằng: già hóa dân số là vấn đề kinh tế - xã hội của nhiều nước phát triển và đang phát triển. Người già đang phải đối mặt với nhiều vấn đề nghèo đói, bệnh tật, cô đơn, bị bỏ rơi hoặc bị lạm dụng. Họ là một nhóm xã hội trong nhóm dễ bị tổn thương và bị kỳ thị và phân biệt đối xử và bị coi là người phụ thuộc. Do đó, người cao tuổi thường bị mất đi các quyền con người cơ bản và cơ hội để tiếp tục cống hiến cho xã hội. Mặt khác, các nghiên cứu này đồng thời chỉ ra những đóng góp và vai trò của người già trong phát triển kinh tế, đời sống xã hội và truyền tải giá trị văn hóa [38, 78, 90, 91, 92, 105]. Nhìn chung vai trò của người già trong gia đình và cộng đồng là chủ đề được quan tâm nhiều hơn ở các nước đang phát triển.

1.2.2. Nghiên cứu người già ở Việt Nam

Các công trình về người già cho đến nay đã góp phần mang lại những hiểu biết sâu sắc về cuộc sống của người già ở Việt Nam, song chủ đề vai trò của người già trong gia đình và cộng đồng, trong đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội của nhóm dân số cao tuổi còn khá khiêm tốn. Phần lớn là các phần phân tích riêng rẽ trong các nghiên cứu chung về người già. Trước hết cần kể đến các nghiên cứu về vị trí, vai trò và quyền lợi về người già trong lịch sử. Trong xã hội truyền thống người già điều khiển tài sản của làng xã, có quyền chi phối về mọi mặt của địa phương, gia đình dòng họ [56, 72, 88, 102]. Chiếm số lượng khá lớn các nghiên cứu dân tộc học về vị trí và vai trò của các già làng trong cộng đồng các dân tộc thiểu số ở Việt Nam, những cá nhân có uy tín về mọi mặt trong gia đình và cộng đồng. Theo Vũ Đình Lợi (1997) truyền thống lão quyền còn bảo lưu nguyên vẹn trong đời sống cộng đồng các dân tộc thiểu số. Người già được đề cao, được trọng vọng và là rường cột của gia đình, dòng họ và trong làng bản. Quan niệm coi “chủ làng” (trưởng bản, trưởng buôn) là người già tồn tại ở hầu hết các dân tộc và trở thành một chuẩn mực. Nghiên cứu Lê Sỹ Giáo (1997) cho rằng lớp người già là những người đã sống, đã tích lũy vốn tri thức phong phú về các hiện tượng tự nhiên, các mối quan hệ xã hội, các giá trị văn hóa tộc

người và chuyển giao nó cho các thế hệ sau. Vị trí của người già được tôn vinh và thừa nhận là điều tự nhiên đến mức uy tín và tiếng nói của họ được coi là đại diện cho họ mạc, buôn làng và cộng đồng [45, tr. 226-235].

Vai trò của người già trong gia đình và cộng đồng ở vùng nông thôn đồng bằng Bắc bộ cũng được một số ít các nghiên cứu đề cập. Nghiên cứu của Nguyễn Đức Truyền về “*Người già và những thay đổi thiết chế xã hội nông thôn đồng bằng sông Hồng hiện nay*” cho rằng: ở xã hội nông thôn người già đóng vai trò đại diện cho các quan hệ xã hội đa chiều và trong đời sống xã hội vai trò của người già lại càng quan trọng [55, tr. 52-53].

Sự tham gia và mức độ đóng góp của người già vào các hoạt động kinh tế trong hộ gia đình được khá nhiều nghiên cứu đề cập đến. Kết quả Điều tra Gia đình Việt Nam năm 2006 cho thấy rằng có hơn 90% người già cho biết họ hỗ trợ con cháu mình ít nhất một trong các hoạt động sau như về kinh tế là góp phần tạo ra thu nhập và cấp vốn cho con cháu làm ăn; quyết định các việc quan trọng của gia đình hay chia sẻ kinh nghiệm làm ăn, ứng xử xã hội và dạy dỗ con cháu, nội trợ và chăm sóc cháu nhỏ. Người già ở nông thôn tham gia nhiều hơn vào việc tạo thu nhập và chia sẻ kinh nghiệm làm ăn [6, 8, 29].

Nghiên cứu của Dương Chí Thiện về “Sự tham gia hoạt động xã hội của người cao tuổi ở đồng bằng Sông Hồng” chỉ ra rằng: Người già đã và đang tham gia hoạt động trong những tổ chức và đoàn thể chính thức, phi chính thức và các hoạt động giao tiếp tại cộng đồng. Sự tham gia này giúp cho người già hòa nhập được đời sống cộng đồng. Hoàn cảnh và điều kiện sống của bản thân người già có ý nghĩa rất lớn đến sự tham gia các hoạt động xã hội. Kết quả nghiên cứu của Nguyễn Thế Huệ về “người cao tuổi và bạo lực gia đình” (2007) cũng cho thấy người cao tuổi không chỉ tham gia vào các hoạt động phát triển kinh tế, mà người già còn tham gia vào việc thực hiện cơ chế dân chủ ở cơ sở và người đóng vai trò tích cực, hiệu quả trong tổ chức hoà giải, giải quyết mâu thuẫn trong gia đình và cộng đồng, góp phần cuộc sống văn hoá lành mạnh ở gia đình.

Một số ít nghiên cứu về đời sống văn hóa tinh thần như nghiên cứu của Nguyễn Thị Phương Lan (2003) với chủ đề “*Văn hoá người cao tuổi trong xã hội Việt đồng bằng Bắc Bộ cổ truyền và hiện nay*”. Một số nghiên cứu khác tập trung tìm hiểu về vai trò của người già trong việc duy trì, bảo lưu các giá trị văn hóa gia đình và văn hóa tộc người. Khác biệt giới trong nhóm người già cũng đã được chỉ ra ở một số nghiên cứu, nhưng chủ yếu tập trung phân tích về cuộc sống và vai trò của nhóm phụ nữ cao tuổi. Nếu các vai trò tích cực của người già đã được nhiều nghiên cứu đề cập thì mặt hạn chế trong vai trò của người già thể hiện như thế nào lại rất ít được đề cập. Mâu thuẫn và xung đột giữa con cháu và ông bà có xu hướng tăng lên do nhiều thế hệ sống chung trong một gia đình [99]. Một số nghiên cứu phân tích chính sách xã hội, đánh giá tình hình thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật liên quan tới người già và đưa ra các đề xuất kiến nghị về chính sách.

Tóm lại, các nghiên cứu về vai trò của người già trong gia đình và cộng đồng thường xem xét dưới các hình thức đóng góp của người già vào các khía cạnh như: kinh tế gia đình, giáo dục trẻ em, bảo lưu giá trị văn hoá và sự tham gia hoạt động của làng xã. Ít các nghiên cứu bàn luận về lý thuyết sử dụng trong nghiên cứu. Một số tác giả đã nêu ra một số lưu ý cho hướng nghiên cứu tiếp theo như: Cuộc sống của người già có thể quay lại với vai trò truyền thống trước đây hay không? Sự giảm sút hay tăng lên về vai trò của người già được biểu hiện như thế nào?

1.3. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ NGUỒN TÀI LIỆU

1.3.1. Phương pháp thu thập và phân tích nguồn tài liệu thứ cấp

Sưu tầm, phân tích các kết quả nghiên cứu về vai trò của người già ở Việt Nam, và nước ngoài, các số liệu thống kê có liên quan.

1.3.2. Phương pháp nghiên cứu điều tra bằng hỏi

Cỡ mẫu lựa chọn là 100 trường hợp, được dựa theo tiêu chí theo giới tính và mô hình chung sống (sống riêng và sống cùng con cháu).

1.3.3. Phương pháp nghiên cứu định tính

Phương pháp phỏng vấn sâu và thảo luận nhóm và quan sát tham dự. Tổng số phỏng vấn sâu là 28 (trong đó có 20 PVS người già; 4 PVS đại diện thành viên hộ gia đình 3 thế hệ; 4 PVS cán bộ chủ chốt và 2 thảo luận nhóm người già phân theo tiêu chí giới tính).

1.4. MỘT SỐ HƯỚNG TIẾP CẬN LÝ THUYẾT NGHIÊN CỨU VỀ NGƯỜI GIÀ

Khi nghiên cứu về người già nhiều tác giả đã sử dụng cách tiếp cận lý thuyết khác nhau như: tiếp cận quyền, tiếp cận văn hóa, hoặc tiếp cận lý thuyết cơ cấu xã hội,... Một số cách tiếp cận lý thuyết được tác giả lựa chọn là lý thuyết vai trò, lý thuyết hoạt động và cách tiếp cận nghiên cứu giới để lý giải và phân tích cho chủ đề nghiên cứu.

1.5. CÁC KHÁI NIỆM NGHIÊN CỨU SỬ DỤNG TRONG LUẬN VĂN

Khái niệm Người già – người cao tuổi được quy định là công dân Việt Nam từ đủ 60 tuổi trở lên (Điều 2 Luật Người cao tuổi (2009) [10]. Trong nghiên cứu này khái niệm người già hoặc người cao tuổi được sử dụng với ý nghĩa như nhau. Tác giả còn sử dụng hệ thống khái niệm như: Già hóa dân số; Vai trò và vai trò xã hội; Văn hóa; Văn hoá gia đình; Giới (Gender); Vai trò giới để có sự thống nhất trong định hướng phân tích.

CHƯƠNG 2: VỀ ĐỊA BÀN NGHIÊN CỨU – XÃ HẠ BẰNG

2.1. VỊ TRÍ ĐỊA LÝ VÀ LỊCH SỬ TỰ CƯ CỦA NGƯỜI VIỆT Ở HẠ BẰNG

2.1.1. Vị trí địa lý

Xã Hạ Bằng là một xã thuộc huyện Thạch Thất, trước đây thuộc tỉnh Hà Tây, nay thuộc về Hà Nội. Xã Hạ Bằng cách trung tâm huyện lỵ về phía Tây Nam là 7 Km. Phía Đông Bắc giáp sông Tích và xã Cần Kiệm, phía Nam giáp xã Đông Trù, phía Tây giáp xã Thạch Hòa, phía Tây Bắc giáp xã Tân Xã. Phía Tây xã Hạ Bằng giáp dãy núi Vua Bà, phía Đông Bắc và phía Nam có sông Tích bao bọc tạo. Về mặt vị trí địa lý, xã Hạ Bằng có những thuận lợi là xã nằm trong khu vực phát triển kinh tế mạnh và giàu truyền thống văn hóa của huyện Thạch Thất.

2.1.2. Lịch sử tự cư của người Việt ở Hạ Bằng

Theo cuốn “Lịch sử đấu tranh cách mạng của đảng bộ và nhân dân xã Hạ Bằng (1945-2002)” thì xã Hạ Bằng cổ xưa là địa bàn cư trú của người Việt cổ. Khoảng cuối thế kỉ 19 (xóm Cốc đầu tiên có tên hội là Giếng Cốc – Cốc Tỉnh). Xóm Vực Giang do dòng họ Phùng người Hạ Lôi cũ lưu lạc tại vùng Lương Sơn (Hòa Bình), sau này quay về định cư tại Vực Giang. Vào thế kỉ 17, 18 dân cư của 7 dòng họ từ các huyện Từ Liêm, Hoài Đức... lên lập ấp và hình thành xóm Khoang Mè. Đến khoảng những năm 1820 tên xã Minh Trù đổi thành Bằng Trù. Trước cách mạng tháng 8/1945, hai xã Hạ Lôi - Bằng Trù thuộc Tổng Cần Kiệm, huyện Thạch Thất, Sơn Tây.

2.2. TỔ CHỨC DÂN CƯ VÀ TÌNH HÌNH KINH TẾ, VĂN HÓA, XÃ HỘI

2.2.1. Tổ chức dân cư

Tính đến 6/2005 tổng diện tích đất tự nhiên 5,7 km² với 27 dòng họ, 5876 khẩu và 1269 hộ. Tính đến năm 6/2010 là dân số của xã là 6010 người, số hộ là 1338 trong đó là nữ giới là 3095 người (51%) và nam là 2915 chiếm (49%). Người Việt là dân tộc chủ yếu (99%). Xã Hạ Bằng có 9 thôn: Khoang Mè 1, Khoang Mè 2, Đầm Cầu, Đầm Quán, Giếng Cốc, Mương Ốc, Vực Giang, Gò Mận, Giang Nu. Toàn xã được chia thành 9 cụm gồm: Thôn Hoàng Mè 2 cụm dân cư và các cụm: Đông Cầu, Đầm Quán, Giếng Cốc, Mương Ốc, Vực Giang, Trùng Nu, Gò Mận.

Về tổ chức dòng họ, tính đến 6/2005 xã Hạ Bằng có khoảng 27 dòng họ, như họ Nguyễn, họ Đỗ, họ Kiều, họ Bùi, họ Phùng, họ Hoàng, họ Đặng, họ Lê, họ Tạ, họ Phí, họ Đào,... trong đó những dòng họ lớn như họ Nguyễn, họ Đỗ, họ Kiều và họ Phùng [13].

2.2.2. Cơ cấu kinh tế

Hiện nay sản xuất nông nghiệp ở Hạ Bằng chiếm hơn 44%, chủ yếu là trồng lúa và rau màu ở hai mùa vụ đông và vụ xuân; chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản. Về công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp chủ yếu là sản xuất đồ mộc, xây dựng và chế biến lương thực. Về thương mại - dịch vụ có 228 lao động kinh doanh ở 157 hộ [96]. Năm 2007, tỷ lệ hộ nghèo ở chiếm 11,6% đến năm 2008 tỷ lệ này đã giảm xuống còn 6,12% và tính đến thời điểm 6/2010 tỷ lệ hộ nghèo của là 3,58%, Hộ có mức sống khá và giàu ở xã Hạ Bằng hiện nay là khá cao chiếm tới hơn một nửa. Thu nhập bình quân đầu người năm 2007 là 8 triệu đồng đến 6/2010 đã đạt 12 triệu đồng/năm.

2.2.3. Tình hình văn hóa – xã hội

2.2.3.1. Truyền thống đấu tranh cách mạng

Hạ Bằng là vùng đất có bề dày lịch sử, văn hóa và truyền thống yêu nước đấu tranh cách mạng. Với thành tích trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và chống Mỹ cứu nước, xã Hạ Bằng đã vinh dự được nhà nước phong tặng danh hiệu “Anh hùng lực lượng vũ trang”. Xã có 4 bà mẹ được phong tặng danh hiệu “Bà mẹ Việt Nam anh hùng” và 125 liệt sỹ được nhận bằng tổ quốc ghi công, Đảng bộ và nhân dân xã được tặng thưởng nhiều Huân chương, Huy chương các loại [12].

2.2.3.2. Các di tích lịch sử - văn hóa

Các di tích lịch sử: Ở Hạ Bằng hiện có 2 ngôi chùa có tên gọi là Chùa Cao và Chùa Thấp. Hàng năm tại đây có tổ chức lễ hội. Bên cạnh các di tích văn hóa và hoạt động văn hóa truyền thống, thì từ xa xưa xã Hạ Lôi - Bằng Trù còn có một chợ gọi là chợ Roi.

Các lễ hội: Hiện nay ở xã Hạ Bằng có 2 lễ hội chính trong năm là Lễ Kỳ Phúc (Hội đình Làng diễn ra trong 2 ngày 5 và 6 tháng 1 Ban Khánh Tiết chủ trì và Lễ hội chùa Bảo quốc tế diễn ra vào 15/1 (âm lịch) hàng năm do Ban Học tự chùa chủ trì. Lễ Kỳ Phúc còn được gọi Hội đình Hạ Bằng là lễ hội dân gian, được tổ chức ở Đình Hạ Bằng. Thời gian tổ chức vào ngày 6/1(âm lịch) hàng năm. Lễ hội tưởng niệm vị tướng thời Hai Bà Trưng. Lễ hội chùa Bảo quốc hay còn gọi là Hội chùa Cao là lễ hội dân gian được tổ chức ở Chùa Hạ Bằng, thời gian tổ chức vào ngày 15/1(âm lịch) hàng năm. Ngoài ra ở từng xóm làng ở Hạ Bằng còn lưu giữ được những hoạt động văn hóa truyền thống khác.

2.2.3.3. Hệ thống y tế và giáo dục

Trong lĩnh vực văn hóa – xã hội của xã Hạ Bằng cũng đạt được nhiều thành tích đáng ghi nhận. Hệ thống trường học: trường mầm non, trường tiểu học và trung học cơ sở đều giữ vững chuẩn quốc gia. Năm học 2009 có 64 học sinh thi đỗ các trường Đại học, cao đẳng, trong đó 23 em đỗ vào đại học, 41 em vào cao đẳng [94, 95]. Hệ thống y tế xã Hạ Bằng gồm có 1 trạm y tế xã và các trạm y tế thôn đã thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân trong đó có người già.

2.3. NGƯỜI GIÀ TRONG GIA ĐÌNH NGƯỜI VIỆT Ở HẠ BẰNG

Hạ Bằng vốn là một xã thuần nông nên phần lớn người già đều chủ yếu làm nông nghiệp, ít người già có lương hưu hoặc trợ cấp, do nhu cầu sinh kế nên, nhiều người già buộc phải tiếp tục làm việc cho đến khi sức khỏe không cho phép. Phần lớn của người già ở Hạ Bằng chủ yếu là sống chung và ăn chung với con cháu và có hoàn cảnh kinh tế gia đình trung bình. Theo thống kê của Ủy ban nhân dân xã Hạ Bằng tính đến 6/2010, gia đình hạt nhân hai thế hệ chiếm 44,37%. Hiện có 91,29% người già sống chung với con cái. Số người già sống riêng (gồm 2 ông bà) là 5,63%. Tỷ lệ người già sống một mình chiếm 3,14%. Số người già có lương hưu và được hưởng trợ cấp xã hội là 19,39%. Số người già đang tiếp tục hoạt động kinh tế tạo thu nhập chiếm 31,42%. Người già nghèo không nơi nương tựa là 0,65%, người già bị tàn tật là 2,7%. Số người già từ 85 tuổi trở lên chiếm 11,27%. Theo truyền thống của người Việt ở Hạ Bằng, thì cha mẹ già thường chung sống với gia đình con trưởng - người sẽ tiếp tục thờ cúng tổ tiên. Các gia đình ở Hạ Bằng cũng như vậy, hiện cha mẹ già chủ yếu sống chung với con cháu, và phần lớn sống với gia đình người con trai, có thể là con trưởng hoặc thứ.

CHƯƠNG 3: VAI TRÒ CỦA NGƯỜI GIÀ TRONG GIA ĐÌNH

3.1. QUAN NIỆM VỀ TUỔI GIÀ VÀ VAI TRÒ CỦA NGƯỜI GIÀ Ở HẠ BẰNG HIỆN NAY

3.1.1. Quan niệm về tuổi già

Quan niệm ở độ tuổi nào con người được coi là già thì phần lớn người già cho rằng trước đây vào độ tuổi 60, nhưng ngày nay nhiều người già lại cho rằng độ tuổi 70 mới coi là tuổi già. Nhiều cụm từ nói về tuổi cao như “thất thập cổ lai hy” “thượng thọ” “Thượng thượng thọ” được người già ở đây nhắc đến. Các tiêu chuẩn để đánh giá về một người được coi là già của cư dân ở đây chủ yếu là dựa trên các quan sát đặc điểm bên ngoài như về vóc dáng, sức khỏe, và quan trọng nhất là dựa vào sự hoạt động, sự tham gia vào đời sống kinh tế, xã hội của bản thân người già trong gia đình và ngoài cộng đồng.

3.1.2. Quan niệm về vai trò của người già

Quan niệm về vai trò của người già nói riêng và người dân ở Hạ Bằng nói chung khá tương đồng. Phần lớn con cháu trong gia đình đều cho rằng: người già được tôn trọng và tôn vinh trong xã hội, trước hết phải là người nêu tấm gương về cách sống mẫu mực, được con cháu kính nể, tôn trọng trong gia đình và ngoài xã hội. Bên cạnh vai trò “mẫu mực”, thì vai trò là người giữ gìn tập tục gia phong của gia đình, của địa phương. Các giá trị này không thay đổi khi phần lớn người già đều nhất trí cho rằng so với thế hệ trước đó vai trò của người già hiện không có khác biệt nhiều.

3.2. VAI TRÒ CỦA NGƯỜI GIÀ TRONG ĐỜI SỐNG KINH TẾ

3.2.1. Người già và hoạt động lao động – sản xuất

3.2.1.1. Người già và các công việc nhà

Công việc gia đình được người già ở Hạ Bằng gọi là “Việc vặt trong nhà và là những việc không tên và phù hợp với người già” và dĩ nhiên là những công việc này không có thu nhập. Kết quả điều tra bảng hỏi cho thấy hiện có 2/3 người già có sức khỏe hiện đang tham gia công việc gia đình (74,5%); một số ít người già mặc dù sức khỏe rất yếu nhưng vẫn làm việc các công việc gia đình. Phần lớn người già trong mẫu nghiên cứu hiện đang sống chung, ăn chung với con cháu (77,8%). Thống kê sơ bộ thời gian biểu tham gia hoạt động của người già trong một ngày cho thấy công việc nhà chiếm ít thời gian nhất là từ 15 - 30 phút là những loại việc nhà như: cho cháu ăn, đưa đón cháu đi học, chuẩn bị bữa sáng cho gia đình... Mặc dù công việc gia đình là chủ yếu là việc “việc vặt, việc không tên và phù hợp với người già” nhưng tốn không ít thời gian và sức lực, nhưng thực tế giá trị của những “việc vặt” này khó có thể tính toán chính xác được mức độ đóng góp vào kinh tế gia đình.

Người cao tuổi là nữ thường đảm nhiệm các công việc nhà như nội trợ, nấu cơm đặc biệt là trông cháu. Lý do giải thích cho những khác biệt về vai trò giới trong làm các công việc nhà ở người già là do “ảnh hưởng của thời kỳ phong kiến mà tiếng nói của nam giới trọng lượng hơn so với phụ nữ”; tiếp đến là do sự khác biệt về tính cách, theo đó nam giới có tính cách quyết đoán mạnh hơn của nam giới, phụ nữ thường có tính cách nhẹ nhàng hoặc cụ ông “nóng tính” và cụ bà “mềm mỏng”.

3.2.1.2. Người già và các hoạt động sản xuất - kinh doanh

Trong mẫu nghiên cứu bảng hỏi có 45,7% người già đang tham gia hoạt động SX-KD. Gần một nửa số người già đang tham gia SX-KD là sống cùng với con cái (45,8%). Những người già ở độ tuổi 60-69 tham gia nhiều hơn vào hoạt động SX-KD. Với câu hỏi: Hiện tại ông/ bà đang làm những loại công việc nào sau đây? Hầu hết những người già cho biết họ vẫn tham gia 1 trong 6 công việc được liệt kê (94%). Người già ở Hạ Bằng vẫn tham gia ít nhiều các khâu của công việc đồng áng. Khi đến “tháng công, ngày mùa, đông vụ” thì người già có thể tham gia đỡ cho con cái vài ba buổi như: đi cấy, phơi lúa, đi thăm ruộng, nương v.v. Bên cạnh việc trồng lúa, chăn nuôi, phần lớn người già không có lương, trợ cấp vẫn tiếp tục nghề làm vườn đồi, một công việc đã gắn bó với họ từ lúc còn trẻ. Đây là nguồn thu nhập đáng kể giúp cho cuộc sống của phần lớn các cụ già, vốn không có lương hưu hoặc trợ cấp, vẫn đảm bảo được cuộc sống “tương đối ổn định”.

3.2.2. Người già với vai trò quyết định các công việc quan trọng

Phần lớn dân ông cao tuổi trong mẫu phỏng vấn là người làm chủ gia đình, điều này không phải xa lạ trong xã hội nông thôn Việt Nam. Điều này có cả ở những mô hình gia đình chung sống 3 thế hệ (ông bà, cha mẹ và con cháu) hoặc gia đình hiện có người già thì vai trò này vẫn thuộc về người đàn ông cao tuổi nhất. Theo thống kê của Hội người cao tuổi có đến “có 90% số hội viên là người già đang nắm giữ vai trò chủ gia đình”.

Một số người già vẫn đóng vai trò chủ hộ nhưng đã có sự trao đổi với con cái trong công việc để đi đến các quyết định cuối cùng. Một số ít khác đã ít nhiều trao quyền hoàn toàn cho con cái nhưng có đưa ra những góp ý. Ngược lại ở các trường hợp người phụ nữ cao tuổi ở góa, hiện sống với gia đình con trai hoặc con rể, thậm chí không lập gia đình nhưng sống cùng với cháu họ, dù những phụ nữ này không có vai trò chủ gia đình nhưng ít nhiều vẫn được con cháu hỏi ý kiến. Vai trò chủ gia đình ở đây khá linh hoạt, tùy theo từng loại việc, người già coi đó là sự “phân công công việc cho lớp trẻ” và “để xem và giám sát cung cách làm việc, dần dần uốn nắn và góp ý”.

Khác biệt giới trong vai trò ra quyết định: Trong gia đình người Việt ở Hạ Bằng những phụ nữ cao tuổi ít có vai trò quyết định các công việc quan trọng (thấp hơn gần 2 lần với tỷ lệ là 37,5% so với 69,5%). Vai trò ra quyết định của người già nam giới được con cháu khẳng định, nhưng người phụ nữ cao tuổi vẫn tham gia bàn bạc và góp ý kiến.

3.2.3. Người già với việc trợ giúp vật chất cho con cái

Những người già cho biết họ đều có hình thức khác nhau trong việc trợ giúp con cháu. Người già có hình thức trợ giúp thấp nhất là như khen thưởng cho cháu học giỏi, hàng năm cho cháu tiền mua sách vở, đóng tiền học cho đến trợ giúp bằng những tài sản lớn hơn như mua xe máy, mua đất, đầu tư vốn cho các con kinh doanh. Việc trợ giúp con cái không phải thường xuyên và chỉ khi có công việc cần thiết. Sự trợ giúp về vật chất của người già đối với con cháu cũng được con cái thừa nhận như một nguồn lực quan trọng đặc biệt là đối với gia đình trẻ. Việc hỗ trợ con cháu đã chứng tỏ vị thế của người già trong việc thể hiện năng lực kinh tế; mặt khác thể hiện trách nhiệm của cha mẹ trong việc giúp đỡ con cái. Điều này giúp cho người già duy trì được vai trò vị thế, uy tín và mối liên hệ với con cháu. Nhờ đó, người già sẽ không có mặc cảm phụ thuộc và thắt chặt thêm mối dây liên hệ về tình cảm giữa các thế hệ, nâng cao vị thế và uy tín của người già đối với con cháu.

3.3. VAI TRÒ CỦA NGƯỜI GIÀ TRONG ĐỜI SỐNG VĂN HÓA

3.3.1. Giáo dục con cháu các giá trị văn hóa gia đình

3.3.1.1. Giáo dục nề nếp gia phong

Hạ Bằng là một xã thuần nông nên các nguyên tắc và tinh thần Nho giáo trong các ứng xử và cũng mang đặc trưng điển hình của người nông dân vùng đồng bằng Bắc Bộ như: coi trọng gia đình, coi trọng chữ hiếu và các bổn phận với gia đình, một kiểu gia đình nề nếp, có trên có dưới, có tình nghĩa; coi trọng giáo dục nhân cách trong gia đình. Ông bà, cha mẹ rèn cách ứng xử từ lời ăn tiếng nói, tôn trọng nề nếp gia phong, luật lệ, quy ước xã hội, coi trọng thứ bậc. Người già cũng thường bảo ban con cháu về bài học tình người, sự tiết kiệm, chia sẻ với người nghèo khó. Mặc dù trong mỗi gia đình, tập quán sinh hoạt và nét văn hoá ứng xử riêng, nhưng tựu chung việc giáo dục nề nếp vẫn chủ yếu là uốn nắn từ lời ăn tiếng nói từ tốn, lễ phép đến tư thế đi, đứng hàng hoàng, ngồi ngay ngắn, thái độ kính trên nhường dưới và truyền đạt kinh nghiệm ứng xử trong từng tình huống cho con cháu. Từ những việc nhỏ như vậy mà hình thành nên “gia phong”. Trong gia đình người Việt ở Hạ Bằng việc thực hành thờ cúng tổ tiên đều do người già trong gia đình thực hiện, đặc biệt là người đàn ông cao tuổi. Thực hiện việc thờ cúng tổ tiên trong gia đình là nhắc nhở con cháu biết hướng về gốc rễ, tổ tiên và tạo sự gắn bó trong gia đình, họ tộc. Chính vì vậy nếu ông bà thờ phụng tổ tiên chu đáo sẽ là tấm gương cho con cháu học tập. Người già được ví như “*xương sống trong gia đình*” và việc giáo dục con cháu vào nề nếp là việc rất cần thiết. Người già nói rằng họ chính là lớp người đóng vai trò “làm công tác tư tưởng cho thế hệ đi sau trong giáo dục con cháu”.

3.3.1.2. Duy trì nề nếp sinh hoạt trong gia đình

Người già ở Hạ Bằng quan niệm rằng việc duy trì gia phong, nề nếp trật tự trong gia đình không khác ngoài gì việc “phải giữ đạo lý”. Việc góp ý với con trai, con gái, con dâu,... trong lời ăn tiếng nói là điều rất cần thiết. Ngoài ra, sự nề nếp còn thể hiện ở ý thức ngăn nắp trong mọi việc khác gia đình. Đó là những việc mà theo ý kiến người già là rất cần phải uốn nắn, tuy nhiên việc dạy bảo với con cái cũng cần được đặt ra đúng chỗ và đúng thời điểm. Người già chính là người hướng dẫn, uốn nắn cho các thành viên trong gia đình đi theo nề nếp truyền thống của gia đình.

3.3.1.3. Giải quyết mâu thuẫn giữa các thành viên trong gia đình

Mâu thuẫn giữa các thành viên trong gia đình là điều tất yếu trong cuộc sống do những khác biệt về lối sống. Giải quyết mâu thuẫn trong gia đình là vấn đề mà người già ở Hạ Bằng rất quan tâm. Cách thức giáo dục của người già chủ yếu thể hiện theo cách “tâm sự” “khuyến can”. Người già thường nhấn mạnh đến câu “Một điều nhịn là chín điều lành” như một phương pháp tốt nhất để giải quyết mâu thuẫn giữa các thành viên trong gia đình. Họ cũng quan niệm rằng việc giáo dục cần có thời gian “dần dần” không thể thúc ép. Cách giáo dục con cháu của người dù có khác nhau, nhưng hầu hết người già cho rằng việc giáo dục con cháu cần phải uốn nắn từ những việc nhỏ, việc phân tích phải trái và ở đúng nơi đúng lúc.

3.3.2. Giáo dục con cháu về cách làm ăn

Những người già là kho tri thức và kinh nghiệm về sản xuất nông nghiệp như: đặc tính của từng loại đất, giống lúa, vụ mùa... Vì vậy kinh nghiệm sản xuất của người già thực sự là vốn quý đối với con cháu. Bản thân người già cũng thừa nhận nếu kinh nghiệm của họ không được truyền thụ lại cho con cháu thì là một sự lãng phí. Phần lớn cuộc đời gắn bó với ruộng đồng nên những người già ở đây nắm rõ đặc điểm của từng thửa ruộng và cây trồng. Người già có thể không còn trực tiếp làm công việc đồng áng thường xuyên, nhưng vẫn căn dặn con cái từ đặc điểm của từng thửa ruộng, cách quan sát sâu bệnh trên cây lúa, cách bón phân để lúa đạt năng suất cao

CHƯƠNG 4: VAI TRÒ CỦA NGƯỜI GIÀ TRONG CỘNG ĐỒNG VÀ PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA HỌ

4.1. VAI TRÒ CỦA NGƯỜI GIÀ TRONG CỘNG ĐỒNG

4.1.1. Các tổ chức của người già ở Hạ Bằng

Người già ở Hạ Bằng đã và đang tham gia trong các tổ chức quan phương (còn gọi tổ chức chính thức) và tổ chức phi quan phương (tổ chức phi chính thức) và các hình thức do cộng đồng dân cư tự tổ chức như đám cưới, đám tang, lễ chùa, giỗ họ. Việc tham gia này không chỉ giúp người già có thể hòa nhập được đời sống cộng đồng và thỏa mãn nhu cầu được hoạt động của bản thân. Ngoài tổ chức chính thức của người già là Hội Người cao tuổi, người già ở Hạ Bằng còn tham gia các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội như: Tổ chức Đảng, Mặt trận tổ quốc, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh, Hội Chữ Thập đỏ,... Ngoài ra người già ở Hạ Bằng sinh hoạt trong nhiều tổ chức phi quan phương như: các câu lạc bộ dưỡng sinh, câu lạc bộ cầu lông, hội văn nghệ, tổ thơ ca, hội cây cảnh, hội đồng môn... Các hội, tổ chức là nhu cầu nơi đáp ứng nhu cầu cộng cảm mà khi sinh hoạt ở các câu lạc bộ này giúp các cụ được tăng cường sức khỏe thể chất và tinh thần, đáp ứng nhu cầu giao lưu về mọi mặt. Mặc dù các tổ chức này mang tính nhỏ lẻ và không chính thức do các cụ tự phát lập lên để đáp ứng nhu cầu vui chơi giải trí của mình nhưng đó chính nơi tụ hội và thu hút số lượng đáng kể các cụ già đến sinh hoạt. Người già tham gia các hoạt động đó với tư cách là đại diện hộ gia đình, và là nhu cầu tự thân.

4.1.2. Vai trò của người già và Hội Người cao tuổi

4.1.2.1. Hội Người cao tuổi ở Hạ Bằng

Trước đây, tổ chức chính thức của người già ở Hạ Bằng là Hội Phụ lão, thuộc Ủy ban mặt trận tổ quốc xã, được thành lập từ năm 1944. Hiện nay ở Hạ Bằng, người già chiếm khoảng 15% dân số và tổ chức Hội Người cao tuổi đã thu hút sự tham gia của hầu hết các cụ trong thôn xóm. Về tổ chức ở cấp xã có Hội Người cao tuổi và ở mỗi thôn có các chi hội, tổ hội, là mắt xích trong hệ thống tổ chức Hội Người cao tuổi. Hiện nay Hội Người cao tuổi xã Hạ Bằng được tổ chức thành 8 chi hội và 41 tổ hội. Hoạt động Hội được tổ chức sinh hoạt 3

tháng và 6 tháng trong một năm. Đến năm 2010 tổ chức Hội Người cao tuổi của xã Hạ Bằng có 923 hội viên, trong đó các cụ nam là 287 người và có 636 cụ là nữ. Hội người cao tuổi không chỉ đáp ứng được nhu cầu sinh hoạt của các cụ phụ lão mà còn là tổ chức có uy tín và có sự liên kết chặt chẽ với cộng đồng làng xã. Các chi hội người cao tuổi là cấp tổ chức ở các thôn, là một trong những tổ chức xã hội ở địa phương tham gia trực tiếp vào hoạt động nghi lễ trong phạm vi gia đình, dòng họ, và đặc biệt là các sinh hoạt văn hóa của cộng đồng làng xã.

4.1.2.2. Vai trò tham mưu, tuyên truyền vận động

Hội người cao tuổi Hạ Bằng được đánh giá cao bởi họ chính là một kênh tham mưu tin cậy của chính quyền và là nòng cốt động viên con cháu thực hiện tốt đường lối chủ trương của chính quyền địa phương. Người già Hạ Bằng được đánh giá là lớp người “tiên phong nhất trong công tác xã hội”, là người thúc đẩy các hoạt động của địa phương. Đặc biệt là các công việc “lớn trong thôn” như đóng góp ý kiến cho chính quyền địa phương trong việc xây dựng cơ sở vật chất như làm đường, lát cổng làng, kiến thiết nhà văn hoá,... Ngoài ra người già còn đóng vai trò là người đứng ra vận động con cháu tham gia ủng hộ, quyên góp sức người hoặc của cải cho các phong trào ở địa phương.

4.1.2.3. Nhân tố hòa giải trong cộng đồng làng xã người Việt

Vai trò hoà giải trong cộng đồng được coi là một nhiệm vụ của Hội Người cao tuổi. Chi hội người cao tuổi cũng là một trong những đoàn thể tham gia công tác hòa giải trong từng thôn. Trong thôn xóm khi có vấn đề nổi cộm đều nhờ đến vai trò hoà giải của Chi hội người cao tuổi, của người già trong thôn xóm. Nhiều người già đã giải quyết được những mối bất hòa trong quan hệ vợ chồng, quan hệ cha mẹ - con cái ở một số gia đình, không chỉ vì họ có uy tín và mà vì người già cũng biết cách nói như thế nào để mọi người hiểu và có thể xóa bỏ sự căng thẳng trong gia đình và cộng đồng thôn xóm.

4.1.2.4. Bảo vệ và duy trì các giá trị văn hóa của địa phương

Ngoài Đình làng, ở Hạ Bằng hiện có 2 ngọn chùa gọi là Chùa Cao và Chùa Thấp, là nơi các cụ thường hội tụ trong những buổi tuần, ngày mồng một và ngày rằm. Là nơi tổ chức lễ hội, như sau tết Thượng nguyên tới ngày rằm tháng giêng là dịp mở hội tại chùa Cao. Người già luôn đóng vai trò chủ chốt, trong quản lý, trông giữ. Trong nhiều năm qua, người cao tuổi Hạ Bằng có nhiều hoạt động liên quan đến việc bảo tồn, gìn giữ các giá trị văn hoá vật thể của địa phương. Các cụ đã đưa ra ý kiến sửa lại ngôi quán, trồng thêm cây xanh tạo cảnh quan, và đứng ra quản lý hoặc trông nom các công trình văn hóa.

Khi nói về vai trò và tầm ảnh hưởng của người già đối với giá trị văn hóa ở địa phương, những người trẻ tuổi ở Hạ Bằng cho rằng tầm ảnh hưởng của người già đối với phong tục tập quán của quê hương họ là rõ nét nhất và “không thể thay thế”. Họ là những người “chuyên lo về phong tục tập quán” mà “công việc này tuổi trẻ không thể làm, và không thể hiểu bằng các cụ, như việc hương khói và thực hiện các nghi lễ cúng”.

4.1.2.5. Vận động thực hiện nếp sống văn hoá

Ở Hạ Bằng hiện nay đã sự thay đổi đáng kể trong việc thực hiện nghi lễ tang ma, cưới xin. Có được những thay đổi đó là nhờ vai trò tiên phong của người già bằng việc đưa ý kiến như tránh lãng phí, cắt bỏ những lễ nghi không còn phù hợp. Hiện nay ở mỗi thôn của xã Hạ Bằng mỗi khi có đám hiếu hay có người qua đời, lãnh đạo cơ sở mời tất cả bà con trong thôn xóm về dự để bàn công việc. Người già nêu gương bằng việc không tham gia ăn uống mà chỉ tham gia phần nghi lễ.

4.1.3. Vai trò của người già trong dòng họ

4.1.3.1. Người già và các công việc lớn của dòng họ

Ở Hạ Bằng có nhiều dòng họ người Việt như họ Nguyễn, họ Đỗ, họ Bùi, họ Kiều, họ Phùng, họ Hoàng, họ Đặng, Tạ, Lê, Phí, Đào,... Trong đó có một số dòng họ lớn như họ Nguyễn, Đỗ, Kiều và họ Phùng,... Trường họ có thể là một người cao tuổi hoặc cũng có thể là người trẻ, nhưng luôn có những quy định rõ ràng về “trật tự vai vế” và không thể thiếu vai trò của người già. Những người già trong dòng họ cũng là những người được con cháu kính trọng và sẽ được mời bàn việc “đại sự trong chi họ”, nói cách khác là bàn bạc, đưa ra ý kiến hoặc quyết định những công

việc trong họ như đám hiếu, hi, giải quyết mâu thuẫn. Khi trong họ có “việc lớn”, “việc đại sự” thì những người già trong nội tộc sẽ được mời đến bàn bạc trước tiên.

4.1.3.2. Khuyến khích truyền thống hiếu học

Người già là những người tâm huyết với khuyến khích tinh thần hiếu học của con cháu trong gia đình và dòng họ, chính vì vậy mà nhiều dòng họ của người Việt ở Hạ Bằng cũng có truyền thống lập quỹ họ để khen thưởng con cháu trong dòng họ thi đỗ đại học hoặc là được đạt danh hiệu học sinh học giỏi và giúp đỡ những gia đình có con em vượt khó học giỏi.

4.2. PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA NGƯỜI GIÀ TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ, VĂN HÓA VÀ XÃ HỘI Ở ĐỊA PHƯƠNG

4.2.1. Hạ Bằng và việc phát huy vai trò tiềm năng của người

Trách nhiệm của chính quyền địa phương, và của Hội người cao tuổi trong phát huy vai trò của của người già đã được quy định rất rõ trong Pháp lệnh người cao tuổi và nay là Luật Người cao tuổi. Kết quả điều tra bảng hỏi về đánh giá mức độ thực hiện tốt các chính sách phát huy vai trò của người già của địa phương cho thấy, có tới 2/3 người già đánh giá tốt việc phát huy NCT tham gia các phong trào, các cuộc vận động (82%); 66% người già đồng ý rằng phát huy NCT tham gia xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở đạt ở mức tốt; 47% người già đánh giá việc phát huy chính sách phát huy NCT tham gia giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở mức tốt. 37% cho rằng phát huy việc đóng góp ý kiến xây dựng luật và chính sách và 32% ý kiến đánh giá tốt trong phát huy việc thực hiện quy chế dân chủ. 15% người cao tuổi đánh giá tốt việc phát huy việc phát triển kinh tế, xoá đói giảm nghèo của chính quyền địa phương đối với người cao tuổi. Có tới 41% NCT cho biết họ không biết việc giám sát chính sách phát luật ở địa phương, điều này hoàn toàn vì tỷ lệ người già ở Hạ Bằng tham gia Ban thanh tra nhân dân chỉ chiếm 3%. Nhiều chính sách phát huy người cao tuổi chưa được thực hiện tốt tại cơ sở. Chính quyền cơ sở nhận thức rõ lợi thế về vai trò nòng cốt NCT trong các phong trào, các cuộc vận động xã hội tại địa phương, cũng như đã có những việc tổ chức thực hiện chặt chẽ hoạt động.

4.2.2. Những vấn đề đặt ra

Cuộc sống vốn đang biến đổi từng ngày, quá trình công nghiệp hóa, hiện đại và đô thị hóa đã tác động không nhỏ lối sống và quan hệ gia đình trong làng xã của người Việt ở Hạ Bằng. Người già là đại diện có nhiều kinh nghiệm, nhưng đồng thời cũng là lớp người đại diện cho sự lạc hậu và cổ hủ, sự bảo thủ trong suy nghĩ và sự cố chấp, gia trưởng trong các quyết định. Họ khó thích nghi với lối sống hiện đại, trong khi thế hệ trẻ lại đang đại diện cho cái mới, cái phát triển, có kiến thức nhưng lại thiếu kinh nghiệm sống. Hạn chế chủ yếu hiện nay ở người già là nhiều cụ còn mang nặng tư tưởng phong kiến, mang tâm lý áp đặt ý kiến với con cháu. Đây cũng là một lý do nảy sinh mâu thuẫn giữa hai thế hệ trong gia đình. Và chính hạn chế về nhận thức về bình đẳng giới mà ở một số gia đình phải tiếp tục sinh con thứ ba, vì người già vẫn mang nặng tư tưởng coi trọng con trai hơn con gái hoặc vẫn mong muốn có cháu trai.

Trong Luật người cao tuổi đã quy định nhiều điều khoản ưu tiên, ưu đãi đối với NCT về sức khỏe, về sinh hoạt văn hoá – xã hội, về kinh tế nhưng trên thực tế thì việc thực hiện các quy định ưu tiên này đối với người già này còn rất hạn chế. Nguyên nhân dẫn đến việc thực hiện các chính sách ưu tiên người già chưa hiệu quả rất nhiều do việc thực hiện đường lối chính sách chưa đúng, hoặc địa phương như thiếu cơ sở vật chất, trang thiết bị khám chữa bệnh, thiếu không gian riêng dành cho người già, thiếu kinh phí hoạt động... Những bất cập này không cho phép chính quyền địa phương thực hiện tốt các chính sách ưu tiên đối với người cao tuổi. Chính từ thực tế đó phần lớn nguyện vọng của người già là mong muốn được đảm bảo các chính sách chăm sóc về sức khoẻ tinh thần và trợ giúp khi khó khăn.

KẾT LUẬN

1. Mục đích của Luận văn hướng đến việc tìm hiểu thực trạng vai trò của người già trong gia đình và cộng đồng người Việt ở Hạ Bằng, một xã thuộc vùng đồng bằng Bắc bộ. Những phân tích trong luận văn này góp phần làm rõ vai trò của người già trong đời sống kinh tế, văn hóa trong gia đình và ngoài cộng đồng ở vùng nông thôn hiện nay, và là nguồn tư liệu bổ sung vào khoảng trống về chủ đề nghiên cứu về người già.

2. Phương pháp nghiên cứu chính là phương pháp định tính (gồm phỏng vấn sâu, thảo luận nhóm và quan sát tham dự); phương pháp điều tra bảng hỏi và phương pháp phân tích nguồn tài liệu thứ cấp. Ngoài ra các chủ chương và chính sách của Đảng và Nhà nước về người cao tuổi là cơ sở pháp lý đóng vai trò định hướng cho toàn bộ phân tích trong luận văn này.

3. Kết quả nghiên cứu cho thấy những quan niệm về tuổi già và vai trò của người già không có khác biệt nhiều so với trước đây. Người già ở Hạ Bằng không chỉ là những “lão nông tri điền” mà còn là đại diện cho nhiều thành phần kinh tế và nghề nghiệp khác nhau, nên hoạt động và vai trò xã hội của họ rất đa dạng. Người già làm việc không chỉ vì nhu cầu mưu sinh, mà còn là do nhu cầu cần hoạt động và thể hiện bổn phận và trách nhiệm của bản thân họ đối với gia đình, và cộng đồng. Những đóng góp của người già đối với đời sống kinh tế văn hóa trong gia đình ở nông thôn là rất rõ ràng, chính điều đó giúp cho họ duy trì được vai trò vị thế, uy tín và mối liên hệ mật thiết với con cháu.

3. Hầu hết người già (chủ yếu là nam giới) vẫn đóng vai trò quan trọng trong gia đình. Họ vừa là người chủ gia đình trên thực tế và là người ra quyết định đối với các việc lớn của gia đình như: phân chia tài sản, hôn nhân, tang ma,... Sự khác biệt rõ nét trong vai trò giới giữa người cao tuổi nữ và người cao tuổi nam trong gia đình, dòng họ và cộng đồng ở Hạ Bằng có nguyên nhân sâu xa từ sự khác biệt trong vai trò giới vốn đã tồn tại từ rất lâu trong xã hội nông thôn ở Việt Nam. Yếu tố này cần được tính đến khi xây dựng và thực hiện chính sách phát huy vai trò của người già.

5. Người già ở Hạ Bằng và các tổ chức quan phương và phi quan phương đang tham gia tích cực vào việc xây dựng đời sống văn hoá mới ở nông thôn, “hoà giải” mâu thuẫn trong cộng đồng dân cư, hoặc vận động con cháu thực hiện tốt chính sách pháp luật của địa phương. Người già ở Hạ Bằng đang tái tạo sức sống cho các di sản văn hóa của tộc người thông qua việc trùng tu, tôn tạo, bảo vệ quần thể di tích lịch sử văn hóa như Đình làng, chùa quán để những di tích này luôn giữ được vẻ đẹp, sự tôn kính, trang nghiêm. Giúp cho thế hệ trẻ hiểu rõ về lịch sử và các giá trị văn hóa của quê hương, đồng thời cho thấy vai trò không thể thay thế được của người già trong lưu giữ và truyền tải các giá trị văn hóa phi vật thể.

6. Để có những đánh giá về vai trò của người già một cách khách quan và toàn diện cần phải nghiên cứu sâu về những điểm còn tồn tại trong vai trò của họ đối với sự phát triển gia đình và cộng đồng.

9. Chỉ có một số ít chính sách phát huy vai trò của người già được đánh giá thực hiện tốt ở địa phương mà nguyên nhân chủ yếu là do thiếu kinh phí, cơ sở vật chất nghèo nàn, cơ hội tiếp nhận thông tin.

Tóm lại, nghiên cứu về vai trò của người già ở Hạ Bằng đã góp phần thừa nhận và chứng tỏ người già không phải là lớp người phụ thuộc, và hưởng thụ một cách thụ động các thành quả phát triển xã hội, mà họ là một nguồn lực quan trọng của gia đình và cộng đồng. Thúc đẩy sự tham gia của người già vào đời sống kinh tế, văn hóa và xã hội không chỉ là cơ sở bảo đảm cho tuổi già có đời sống tích cực và tốt hơn, mà còn tạo điều kiện để người già thực hiện quyền tham gia đầy đủ vào quá trình phát triển cũng như thụ hưởng các thành quả phát triển của đất nước.